

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản tin

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP

Số 02.2025



TIN TỨC - SỰ KIỆN

01 Kế hoạch thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

04 Thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử, thương mại số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

08 Ứng dụng chuyển đổi số trong kinh tế tập thể Lâm Đồng - Xây dựng chuỗi giá trị bền vững cho các đặc sản địa phương

12 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

15 Thực trạng áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn trong nông nghiệp tại Lâm Đồng và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng

18 Xây dựng chỉ dẫn địa lý cà phê Lâm Đồng gắn với truy xuất nguồn gốc

21 Hoa Đà Lạt trong xu thế hội nhập

24 Công nghệ mới - Sản phẩm mới

26 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

28 Bộ tiêu chí Thương mại điện tử xanh - ECGI (E-Commerce Green Index)

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

31 Quy định mới về thủ tục đầu tư đặc biệt

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản tin

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP

Số 02.2025



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 36 Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3821377

Fax: 0263 3824941

Email: skhcn@lamdong.gov.vn

Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và các vấn đề về môi trường trở nên nghiêm trọng, kinh tế tuần hoàn được xem là một hướng đi tất yếu để đảm bảo sự phát triển bền vững. Kinh tế tuần hoàn không chỉ giúp tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, mà còn giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường thông qua các giải pháp tái chế, tái sử dụng và kéo dài vòng đời sản phẩm. Mô hình này đã được áp dụng thành công tại nhiều quốc gia trên thế giới, mang lại lợi ích to lớn về kinh tế, môi trường, xã hội.

Thực hiện kinh tế tuần hoàn là giải pháp trọng tâm để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh, cải thiện năng suất lao động, tạo ra các chuỗi giá trị gia tăng mới, hiệu quả cao, hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với bảo vệ môi trường,

góp phần thực hiện các cam kết về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, trung hòa carbon và phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050...

Thời gian qua, các nghị quyết của Đảng về phát triển năng lượng quốc gia; nông nghiệp, nông thôn và nông dân, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các vùng, miền, địa phương... cũng đề cập trực tiếp đến việc cụ thể hóa kinh tế tuần hoàn vào các ngành, lĩnh vực, vùng cụ thể của đất nước. Nhiều chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ ban hành trong lĩnh vực chăn nuôi, xuất - nhập khẩu, hóa chất, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh... đều xem kinh tế tuần hoàn là cách tiếp cận, giải pháp để đạt được các mục tiêu của ngành/lĩnh vực.

Về quy định pháp luật, Việt Nam là một

trong những quốc gia đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á đưa kinh tế tuần hoàn vào Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Ngoài ra, nhiều công cụ chính sách quan trọng có vai trò điều chỉnh hành vi của người sản xuất, tiêu dùng trong nền kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường sẽ góp phần thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn một cách toàn diện, hiệu lực và hiệu quả.

Giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đạt được nhiều kết quả tích cực. Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường bước đầu được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển, đồng bộ, hiệu quả, chủ động hơn. Các nguồn lực tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững hơn. Hoạt động sản xuất, tiêu dùng trong nền kinh tế có những tín hiệu tích cực, đã có một số sáng kiến, mô hình sản xuất, tiêu dùng bền vững, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, tái chế, tái sử dụng chất thải được hình thành, nhân rộng, phát triển. Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, đổi mới mạnh mẽ với chủ trương xuyên suốt không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; từng bước chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát, phục hồi.

Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035* nhấn mạnh mục tiêu hình thành hệ thống cơ cấu sản xuất, tiêu dùng bền vững, sử dụng hiệu quả giá trị tài nguyên, tận dụng tối đa nguồn nguyên/vật liệu đã qua sử

dụng, hạn chế chất thải ra môi trường, thúc đẩy sự tái sinh của thiên nhiên trên cơ sở lựa chọn, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn phổ biến, phù hợp. Khai thác hiệu quả tiềm năng về đổi mới, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, người dân để thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn, gắn với thực hành tốt, tạo dựng văn hóa trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, tiến đến hình thành xã hội tuần hoàn vật chất. Kinh tế tuần hoàn sẽ được lồng ghép vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải ở các cấp, ngành...

Để triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 01/4/2025, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch số 3089/KH-UBND về việc *Triển khai thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng* với tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng chống chịu của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước các tác động từ bên ngoài; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội; hướng đến nền kinh tế xanh, góp phần thực hiện có hiệu quả *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện*

kinh tế tuần hoàn đến năm 2035.

Kế hoạch đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 trong việc giảm khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên/vật liệu; tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện; hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Đến năm 2035, hiện thực hóa nền kinh tế bao trùm gắn với đổi mới, sáng tạo, năng lực cạnh tranh cao, phát triển về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; góp phần thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đến năm 2035 và các giai đoạn tiếp theo trong các Văn kiện của Đảng, chiến lược, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, Lâm Đồng phát triển nhanh, bền vững, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tỉnh Lâm Đồng phát huy tiềm năng, lợi thế tự nhiên và vai trò, vị trí của địa phương trong vùng Tây Nguyên; tập trung phát triển khoa học và công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng, nâng cao đời sống, sinh kế của người dân gắn với rừng, bảo đảm an ninh nguồn nước; ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc, tài nguyên thiên nhiên và liên kết vùng.

UBND tỉnh giao các sở, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm

vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

Trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tập trung triển khai nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đối với các vùng trọng điểm của tỉnh; triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1780/KH-UBND ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh về việc *thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thực hiện kinh tế tuần hoàn gắn với các hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nghiên cứu phát triển, ứng dụng các công nghệ mới, vật liệu mới thân thiện với môi trường, giải pháp chuyển đổi số để hỗ trợ thực hiện kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là các công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sạch, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao; nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp. Bên cạnh đó, thúc đẩy phát triển vai trò của công nghệ 4.0, chuyển đổi số trong việc truy xuất nguồn gốc, vận chuyển, kết nối sản xuất và tiêu dùng; thúc đẩy sự tham gia của các khu vực tư nhân, tổ chức, hộ nông dân vào chuỗi giá trị nông sản tuần hoàn; những mô hình tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên (đất, nước, thủy sản).



Livestream bán hàng trực tuyến

THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, THƯƠNG MẠI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

PHAN THỊ LỆ QUYÊN

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động sâu, rộng và mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, đặt ra các thách thức lớn đối với tất cả các nền kinh tế, trong đó có ngành thương mại.

Thương mại số và thương mại điện tử đang ngày càng trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nhờ vào sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, đặc biệt là internet và các nền tảng kỹ thuật số, doanh nghiệp và người tiêu dùng có thể tiếp cận sản phẩm, dịch vụ và thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi hơn.

Xu hướng chuyển đổi kinh doanh từ truyền thống sang các nền tảng số đang ngày càng trở nên phổ biến và được xem là giải pháp hữu hiệu giúp các doanh nghiệp thâm nhập và mở rộng thị

trường xuất khẩu trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu, rộng với nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, để duy trì được đà tăng trưởng và phát triển việc kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, các doanh nghiệp cũng phải vượt qua rất nhiều thách thức, khó khăn.

BỐI CẢNH VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, THƯƠNG MẠI SỐ

Trong thời đại công nghệ 4.0, thương mại điện tử và thương mại số không chỉ là xu hướng mà còn trở thành nhu cầu

tất yếu đối với nền kinh tế toàn cầu; trong nước, thương mại điện tử đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, giảm chi phí và tăng cường khả năng cạnh tranh. Đặc biệt, tại tỉnh Lâm Đồng, nơi có nhiều lợi thế về nông sản, du lịch và sản phẩm đặc trưng, thương mại điện tử giúp kết nối sản phẩm chủ lực của địa phương với khách hàng trong và ngoài nước, thúc đẩy tiêu thụ và nâng cao giá trị thương hiệu. Việc áp dụng các nền tảng số cũng tạo cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh tiếp cận thị trường rộng lớn hơn, nâng cao thu nhập và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, đến năm 2025, 55% dân số Việt Nam sẽ tham gia mua sắm trực tuyến, với giá trị mua hàng hóa và dịch vụ trực tuyến đạt trung bình 600 USD/người/năm; doanh số thương mại điện tử theo mô hình doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C) tăng 25%/năm, đạt 35 tỷ USD, chiếm 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. Với dân số hơn 1,36 triệu người và xu hướng mua sắm trực tuyến ngày càng tăng, Lâm Đồng có tiềm năng lớn để phát triển thương mại điện tử, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư và nâng cao thu nhập cho người dân.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI LÂM ĐỒNG

Theo xếp hạng của Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, đến hết năm 2024, Lâm Đồng xếp thứ 13/58 tỉnh, thành phố về chỉ số phát triển thương mại điện tử (bằng với xếp hạng năm 2023). Đặc biệt, chỉ số về giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp xếp hạng 7/58. Tất cả chỉ số thành phần năm 2024 đều tăng so với năm trước. Trong đó, chỉ số về giao dịch giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng

tăng 18 bậc; chỉ số về giao dịch doanh nghiệp với doanh nghiệp tăng 05 bậc; chỉ số về nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin tăng 01 bậc. Hiện nay, Lâm Đồng vẫn thuộc nhóm phát triển thương mại điện tử trong cả nước; đồng thời, đứng đầu về phát triển thương mại điện tử trong 05 tỉnh Tây Nguyên.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch số 1392/KH-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về *phát triển thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025* với 04 mục tiêu, 07 nội dung trọng tâm, tỉnh đã và đang tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng chuyển đổi số; xây dựng, triển khai nhiều chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại thực hiện phát triển thương mại điện tử trong quá trình sản xuất, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 08 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chuyển phát hàng hóa; trong đó, hệ thống bưu cục của VNPost, Viettel Post có 12 bưu cục đóng tại 12 huyện, thành phố thực hiện hoạt động chuyển phát hàng hóa. Bên cạnh đó, tất cả các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đều đã cung cấp dịch vụ ngân hàng số. Việc đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử đã triển khai đối với 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh trên địa bàn. Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 1,69%.

Lâm Đồng hiện có 705 website thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến đã gửi hồ sơ thông báo đến Cục Thương mại điện tử và Kỹ thuật số (Bộ Công Thương); có 5.634 gian hàng trên sàn thương mại điện tử postmart; 1.246 gian hàng trên sàn Shopee, Sendo; 80 gian hàng trên sàn Alibaba. Nền tảng số phục vụ xuất khẩu được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia nhiều

nhất là Alibaba; tuy nhiên, số lượng tham gia còn hạn chế. Để đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương, thời gian qua, Sở Công Thương đã hỗ trợ 10 doanh nghiệp thuộc các ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thực hiện ứng dụng các phương thức thương mại điện tử vào hoạt động quảng cáo, tiếp thị xuyên biên giới, tiếp cận với khách hàng nước ngoài cũng được doanh nghiệp chú trọng như e-marketing, Google Ads, website của công ty, mạng xã hội...

Ngoài ra, Sở Công Thương cũng tạo fanpage Dalat export và kênh youtube Dalatproducts - dacsandalat để hỗ trợ quảng cáo hình ảnh sản phẩm chủ lực của địa phương; thực hiện chương trình quảng cáo trực tuyến trên các nền tảng Facebook, Youtube cho 05 sản phẩm chủ lực của tỉnh gồm cà phê, hoa, mắc ca, chuối Laba, sầu riêng. Duy trì và hình thành mới một số trang thương mại điện tử để hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại: dalat-info.gov.vn, dalatproducts.com, dalatkettinhkydieutudatlanh.vn... Theo đánh giá của Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số, các website và ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của tỉnh Lâm Đồng đứng thứ 08 cả nước về tỷ lệ người bán và thứ 10 cả nước về tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công trong năm 2023.

Trong năm 2024, toàn tỉnh Lâm Đồng công nhận 41 sản phẩm OCOP xếp hạng 3-4 sao. Tính đến nay, toàn tỉnh có 312 sản phẩm xếp hạng 3 sao; 60 sản phẩm 4 sao; 04 sản phẩm 5 sao. Hiện tất cả sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên của tỉnh đều tham gia các sàn như

postmart.vn, nongsandalatlamdong.vn, dalatproducts.com. Một số doanh nghiệp nông sản đã tham gia vào các sàn thương mại điện tử lớn như Shopee, Lazada, Tiki, Sendo... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình triển khai, bao gồm hạn chế về hạ tầng công nghệ, kỹ năng số của doanh nghiệp, khả năng tiếp cận khách hàng qua nền tảng số.

Bên cạnh đó, ngành công thương đã tích cực hỗ trợ ứng dụng thương mại điện tử vào xuất khẩu các mặt hàng chủ lực để phát triển bán hàng giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các giải pháp e-marketing để tăng khả năng tiếp cận khách hàng trên môi trường trực tuyến. Xây dựng các video về một số nông sản có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh như hoa, cà phê, mắc ca, chuối Laba, sầu riêng, bơ để quảng cáo và xúc tiến thương mại. Xây dựng các fanpage Dalatproducts - Đặc sản Đà Lạt và Dalat export để quảng bá sản phẩm của Đà Lạt trong và ngoài nước; trang Hello Đà Lạt để quảng bá du lịch... Đồng thời, mời những người nổi tiếng trên mạng xã hội đến Đà Lạt để thực hiện quảng bá, bán trực tiếp sản phẩm OCOP. Riêng các sở, ngành, địa phương tạo các nhóm zalo OA, zalo chat,... để kết nối giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và cung cấp thông tin kịp thời cho doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách, chương trình hỗ trợ, thông tin thị trường, cơ hội kết nối giao thương... Hàng năm, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Tỉnh đoàn, Liên minh Hợp tác xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hiệp hội Doanh nhân tỉnh đều thực hiện tập huấn, phát triển thương mại điện tử cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI LÂM ĐỒNG

TRONG THỜI GIAN TỚI

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và logistics

Một trong những yếu tố quan trọng nhất để phát triển thương mại điện tử là đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, logistics. Tỉnh Lâm Đồng đang tập trung đầu tư vào mở rộng mạng lưới internet tốc độ cao; trong đó, VNPT Lâm Đồng đã đầu tư mạnh mẽ vào việc mở rộng mạng lưới viễn thông và internet băng rộng cáp quang, đặc biệt là tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm đảm bảo kết nối thông suốt cho hoạt động thương mại điện tử. Đồng thời, nâng cấp hệ thống kho bãi, dịch vụ vận chuyển để hỗ trợ tốt hơn cho doanh nghiệp trong việc giao/nhận hàng hóa; trong đó, trong giai đoạn tới, sẽ tập trung triển khai các dự án xây dựng hạ tầng logistics như: Trung tâm Logistics tại huyện Đức Trọng (gắn với Cảng hàng không Liên Khương) dự kiến hoàn thành vào năm 2030; Trung tâm Logistics tại thành phố Bảo Lộc dự kiến triển khai sau năm 2030. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đang xây dựng các kho bảo quản nông sản tập trung tại các huyện Lâm Hà, Đức Trọng, Đơn Dương, Di Linh, Đạ Huoai, kết hợp với dịch vụ logistics theo quy trình tích hợp từ sản xuất đến phân phối.

Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử

Sở Công Thương là cơ quan chủ trì, tiếp tục tham mưu UBND tỉnh các kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn tới với định hướng và mục tiêu cụ thể. Ngoài ra, triển khai các chương trình hỗ trợ như: hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng thương mại điện tử, bao gồm chi phí đăng ký gian hàng trên các sàn thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến, phát triển website bán hàng

và đầu tư các giải pháp công nghệ số; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn hàng năm cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh tập trung vào một số nội dung như quản lý gian hàng thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến, tối ưu hóa dữ liệu khách hàng, thanh toán số... Qua đó, giúp doanh nghiệp địa phương dễ dàng tiếp cận thương mại điện tử hơn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

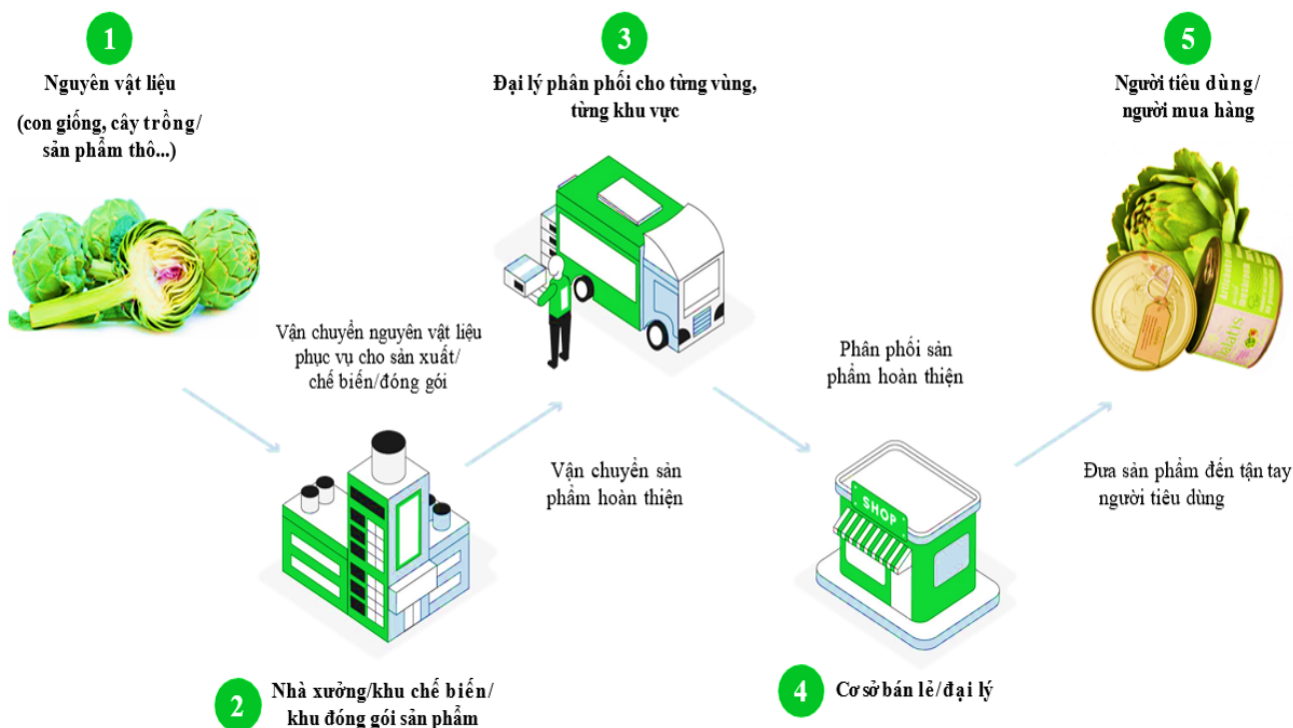
Thúc đẩy phát triển sàn thương mại điện tử địa phương

Hiện nay, nhiều tỉnh/thành phố đã phát triển các sàn thương mại điện tử địa phương nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đặc sản. Lâm Đồng sẽ thúc đẩy xây dựng một sàn giao dịch thương mại điện tử chuyên biệt dành cho các sản phẩm chủ lực như trà, cà phê, hoa, rau, củ hữu cơ. Việc này sẽ giúp nâng cao giá trị thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đào tạo và nâng cao nhận thức về thương mại điện tử

Nhằm giúp các doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ thương mại điện tử, việc tổ chức các lớp tập huấn sẽ cung cấp kiến thức về xây dựng và quản lý gian hàng trực tuyến, tối ưu hóa quy trình bán hàng, tiếp thị số, logistics, thanh toán điện tử. Chương trình đào tạo sẽ tập trung vào các nền tảng thương mại điện tử phổ biến, cách vận hành hiệu quả, xây dựng thương hiệu số và ứng dụng công nghệ trong quản lý khách hàng. Ngoài ra, các học viên sẽ được hướng dẫn thực hành, giải quyết một số tình huống thực tế và cập nhật xu hướng mới trong kinh doanh trực tuyến.

Với những định hướng và giải pháp phù hợp sẽ giúp Lâm Đồng thúc đẩy phát triển mạnh mẽ tiềm năng trong lĩnh vực thương mại điện tử và thương mại số, góp phần nâng cao đời sống người dân và thúc đẩy kinh tế bền vững.



ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KINH TẾ TẬP THỂ LÂM ĐỒNG - XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CHO CÁC ĐẶ SẢN ĐỊA PHƯƠNG

NGÔ DUY KHÔI
Viettel Lâm Đồng

Chuyển đổi số trong nông nghiệp là quá trình ứng dụng các công nghệ kỹ thuật số từ sản xuất đến chế biến, phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Các hoạt động trong chuyển đổi số nông nghiệp gồm: áp dụng công nghệ hiện đại trong canh tác, chăm sóc và thu hoạch cây trồng; liên kết chuỗi giá trị và thương mại điện tử để kết nối trực tiếp giữa nông dân, người tiêu dùng; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để quản lý, theo dõi quy trình sản xuất nông nghiệp; ứng dụng công nghệ IoT (Internet of Things) để giám sát và điều khiển các yếu tố trong trang trại từ xa; sử dụng công nghệ phân tích dữ liệu để đưa ra quyết định thông minh về sản xuất và quản lý nông nghiệp.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu đối với mọi ngành, lĩnh vực, trong đó có nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ số sẽ giúp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp.

Việc ứng dụng chuyển đổi số vào chuỗi giá trị nông sản sẽ làm thay đổi nhận thức của người sản xuất; đồng thời, là bước

đột phá để gia tăng giá trị nông sản, nâng cao thu nhập cho bà con nông dân.

TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Lâm Đồng, vùng đất cao nguyên nổi tiếng với khí hậu ôn hòa, đất đai màu mỡ và cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp, từ lâu đã được biết đến như một trong những “thủ phủ” nông nghiệp chất lượng

cao của Việt Nam. Các đặc sản nổi tiếng như cà phê Arabica Đà Lạt, sầu riêng Đạ Huoai, rau sạch Đơn Dương, hoa Đà Lạt, cùng với trà Bảo Lộc, atiso, bơ, chanh dây và nhiều loại trái cây khác, không chỉ là niềm tự hào của địa phương mà còn là những sản phẩm có tiềm năng lớn trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, để các đặc sản này thực sự bứt phá và khẳng định được vị thế trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc xây dựng một chuỗi giá trị bền vững là nhiệm vụ cấp thiết. Trong đó, chuyển đổi số với các công nghệ tiên tiến như truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain đang trở thành “chìa khóa vàng” để kinh tế tập thể tại Lâm Đồng, đặc biệt là các hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ, nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường và phát triển bền vững.

Bài viết này không chỉ phân tích tiềm năng, thách thức trong việc xây dựng chuỗi giá trị cho các đặc sản Lâm Đồng mà còn đề xuất những hướng đi chiến lược, tập trung vào ứng dụng chuyển đổi số, nhằm định hướng cho chính quyền địa phương, các hợp tác xã, nông dân trong hành trình phát triển kinh tế tập thể hiện đại, hiệu quả và bền vững.

LÂM ĐỒNG: VÙNG ĐẤT VÀNG CỦA CÁC ĐẶC SẢN NÔNG NGHIỆP

Lâm Đồng sở hữu điều kiện tự nhiên thuận lợi với khí hậu mát mẻ quanh năm, độ cao trung bình từ 1.200-1.500 m so với mực nước biển, cùng đất bazan màu mỡ, tạo nên môi trường lý tưởng cho sản xuất nông nghiệp chất lượng cao. Cà phê Arabica Đà Lạt, với hương vị thanh tao, độ chua nhẹ và hậu vị ngọt ngào, đã trở thành thương hiệu được ưa chuộng tại nhiều thị trường quốc tế như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu. Sầu riêng Đạ Huoai, nổi bật với cơm dày, hạt lép, có vị ngọt béo

đặc trưng, đang chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu sang Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Rau sạch Đơn Dương, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, bao gồm xà lách, cải bó xôi, cà rốt, khoai tây, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về thực phẩm an toàn tại các đô thị lớn. Hoa Đà Lạt như cẩm chướng, cẩm tú cầu, lan hồ điệp, hồng... không chỉ là biểu tượng của thành phố ngàn hoa mà còn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách địa phương. Ngoài ra, trà Bảo Lộc, atiso Đà Lạt, bơ, chanh dây và các loại trái cây khác cũng góp phần làm phong phú thêm danh mục đặc sản, khẳng định vị thế của Lâm Đồng trên bản đồ nông nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, để khai thác tối đa tiềm năng này, Lâm Đồng cần vượt qua các hạn chế truyền thống như sản xuất manh mún, thiếu liên kết chuỗi và cạnh tranh yếu trên thị trường toàn cầu. Chuyển đổi số, với khả năng tích hợp công nghệ vào mọi khâu từ sản xuất đến tiêu thụ, được xem là giải pháp đột phá để hiện đại hóa kinh tế tập thể và xây dựng chuỗi giá trị bền vững tại Lâm Đồng.

CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG KINH TẾ TẬP THỂ: TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC

Kinh tế tập thể, nhất là các hợp tác xã tại Lâm Đồng, đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa nông dân, doanh nghiệp và thị trường. Một chuỗi giá trị bền vững không chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm mà còn tạo ra lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường cho tất cả các bên tham gia, từ người sản xuất đến người tiêu dùng.

Tiềm năng của chuỗi giá trị tại tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng có lợi thế vượt trội nhờ sự đa dạng của các sản phẩm nông nghiệp và truyền thống sản xuất lâu đời. Một số đơn

vị như Hợp tác xã Sản xuất Thương mại Dịch vụ Cà phê và Nông sản Thương mại Công bằng Cầu Đất Xuân Trường (thành phố Đà Lạt), Hợp tác xã Nông nghiệp Đạ M'ri (huyện Đạ Huoai) đã chứng minh vai trò tiên phong trong việc tổ chức sản xuất và kết nối thị trường. Ví dụ, Hợp tác xã Sản xuất Thương mại Dịch vụ Cà phê và Nông sản Thương mại Công bằng Cầu Đất Xuân Trường không chỉ sản xuất cà phê arabica đạt chất lượng cao mà còn áp dụng mô hình thương mại công bằng, đảm bảo lợi ích cho nông dân và bảo vệ môi trường thông qua canh tác hữu cơ; đây là mô hình đáng để nhân rộng.

Chuỗi giá trị tại Lâm Đồng có thể được phát triển toàn diện từ khâu chọn giống, canh tác, thu hoạch đến chế biến, phân phối. Với rau sạch Đơn Dương, việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP kết hợp với đóng gói chuyên nghiệp có thể mở ra cơ hội xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc. Hoa Đà Lạt có thể được chế biến thành các sản phẩm có giá trị gia tăng như tinh dầu hoa, hoa khô, hoa bảo quản, từ đó tăng giá trị kinh tế và mở rộng thị trường. Tương tự, atiso Đà Lạt có thể được chế biến thành trà, cao atiso hoặc thực phẩm chức năng; trong khi đó, chanh dây, bơ có thể phát triển thành nước ép, mứt hoặc các sản phẩm xuất khẩu sang châu Âu.

Thách thức trong quá trình xây dựng chuỗi giá trị

Mặc dù có tiềm năng lớn nhưng chuỗi giá trị tại Lâm Đồng vẫn đối mặt với nhiều trở ngại.

Đầu tiên là sự thiếu đồng bộ giữa các khâu trong chuỗi cung ứng. Nhiều hợp tác xã và nông dân vẫn sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết với doanh nghiệp chế biến và nhà phân phối, dẫn đến tình trạng bị thương lái ép giá, làm giảm thu nhập, khó duy trì chất lượng ổn định.

Thứ hai, thông tin minh bạch về nguồn gốc và quy trình sản xuất còn hạn chế, gây khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm và tính bền vững.

Cuối cùng, hạ tầng công nghệ thông tin ở các vùng nông thôn còn yếu, khiến việc ứng dụng chuyển đổi số như truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử gặp nhiều khó khăn.

Vai trò của chuyển đổi số trong xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Chuyển đổi số đang mở ra cơ hội lớn để khắc phục các thách thức và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị tại Lâm Đồng. Các công nghệ như truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, AI, blockchain không chỉ giúp minh bạch hóa thông tin mà còn tạo ra sự kết nối chặt chẽ giữa các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ.

Truy xuất nguồn gốc: Công cụ minh bạch hóa chuỗi giá trị

Truy xuất nguồn gốc cho phép người tiêu dùng truy cập thông tin chi tiết về nguồn gốc, quy trình sản xuất và phân phối của sản phẩm thông qua mã QR hoặc ứng dụng di động. Tại Lâm Đồng, việc áp dụng truy xuất nguồn gốc có thể giúp các hợp tác xã, doanh nghiệp tăng cường niềm tin của người tiêu dùng; đồng thời, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường xuất khẩu. Chẳng hạn, sầu riêng Đạ Huoai có thể cung cấp thông tin về giống cây, quy trình canh tác, thời điểm thu hoạch giúp sản phẩm dễ dàng tiếp cận thị trường Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.

Rau sạch Đơn Dương, với sự đảm bảo không hóa chất độc hại theo tiêu chuẩn VietGAP, có thể cạnh tranh tại thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc. Hoa Đà Lạt, nhờ truy xuất nguồn gốc, có thể chứng minh chất lượng, nguồn gốc, từ đó mở ra cơ hội xuất khẩu sang các nước châu Âu.

Hơn nữa, truy xuất nguồn gốc còn hỗ trợ các hợp tác xã quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả, từ kiểm soát chất lượng đến xử lý sự cố nhanh chóng.

Thương mại điện tử: Bước đột phá mở rộng thị trường

Thương mại điện tử là công cụ mạnh mẽ để đưa các đặc sản Lâm Đồng đến gần hơn với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Các hợp tác xã có thể tận dụng các sàn thương mại điện tử như Shopee, Lazada, Tiki hoặc các nền tảng quốc tế như Amazon, Alibaba để bán cà phê Arabica, rau sạch, hoa tươi và các sản phẩm chế biến. Ví dụ, cà phê Cầu Đất có thể được bán trực tuyến kèm thông tin truy xuất nguồn gốc để tăng độ tin cậy; rau sạch Đơn Dương có thể tiếp cận khách hàng tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; trong khi đó, hoa Đà Lạt có thể xuất khẩu quốc tế với dịch vụ giao hàng nhanh đảm bảo độ tươi. Thương mại điện tử không chỉ mở rộng thị trường mà còn giảm phụ thuộc vào thương lái, tăng thu nhập cho nông dân và cung cấp dữ liệu để tối ưu hóa sản xuất.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến: AI và blockchain

AI có thể phân tích dữ liệu thị trường, dự đoán nhu cầu và tối ưu hóa sản xuất, giúp các hợp tác xã điều chỉnh chiến lược kịp thời.

Blockchain, với khả năng bảo mật và minh bạch, có thể nâng cao độ tin cậy của hệ thống truy xuất nguồn gốc, từ đó, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Hướng đi chiến lược để xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Để hiện thực hóa mục tiêu, Lâm Đồng cần triển khai các chiến lược đồng bộ, tập trung vào liên kết chuỗi, ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực.

Tăng cường liên kết trong xây dựng chuỗi giá trị

Liên kết chặt chẽ giữa các khâu là yếu tố cốt lõi. Các hợp tác xã cần hợp tác với doanh nghiệp chế biến để phát triển những sản phẩm giá trị gia tăng như trà atiso, nước ép chanh dây, mứt bơ... Đồng thời, cần xây dựng quan hệ đối tác với các siêu thị lớn (Co.opmart, WinMart), nhà phân phối quốc tế để đảm bảo giá bán ổn định và công bằng cho nông dân.

Ứng dụng chuyển đổi số toàn diện

Chuyển đổi số cần được triển khai đồng bộ, từ truy xuất nguồn gốc để minh bạch hóa, thương mại điện tử để mở rộng thị trường, đến AI và blockchain để tối ưu hóa và bảo mật. Chính quyền địa phương cần đầu tư vào hạ tầng công nghệ tại nông thôn, hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận công nghệ hiện đại.

Nâng cao năng lực cho hợp tác xã và nông dân

Các chương trình đào tạo về truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, quản lý chuỗi cung ứng cần được tổ chức thường xuyên. Hợp tác với các trường đại học và chuyên gia công nghệ sẽ giúp nâng cao kỹ năng, từ đó, thúc đẩy sự tham gia hiệu quả của nông dân và hợp tác xã vào nền kinh tế số.

HÀNH TRÌNH HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà còn là động lực để Lâm Đồng xây dựng chuỗi giá trị bền vững cho các đặc sản địa phương. Với sự đồng lòng của chính quyền, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân, cùng với việc tận dụng tối đa công nghệ, Lâm Đồng hoàn toàn có thể biến tiềm năng thành hiện thực, đưa các sản phẩm chủ lực vươn xa trên thị trường toàn cầu; đồng thời, góp phần phát triển kinh tế tập thể bền vững và bảo vệ môi trường, hướng đến một nền nông nghiệp hiện đại và thịnh vượng.



Áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP tại Hợp tác xã Nông nghiệp Tổng hợp An Phú

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ THEO TIÊU CHUẨN TẠI DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management System - QMS) là một tập hợp các quy trình, chính sách, tiêu chuẩn và phương pháp được thiết kế để quản lý và kiểm soát chất lượng trong một tổ chức; bao gồm các hoạt động nhằm đảm bảo rằng sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức đáp ứng yêu cầu chất lượng và yêu cầu của khách hàng.

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập sâu, rộng như hiện nay, khi Việt Nam gia nhập các tổ chức thương mại toàn cầu, việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và trên trường quốc tế ngày càng trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Xu hướng cạnh tranh không chỉ về giá mà còn cả về chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Chính vì vậy, doanh nghiệp muốn đứng

vững, tồn tại, phát triển bền vững và giành được ưu thế cạnh tranh, yêu cầu bức thiết đặt ra cho các doanh nghiệp là không ngừng nâng cao và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Việc áp dụng các hệ thống quản lý (sau đây viết tắt là HTQL) theo tiêu chuẩn như ISO 9001, ISO 22000, HACCP, FSSC 22000, ISO 45000, ISO 14001, BRC...

là giải pháp quan trọng được nhiều doanh nghiệp trên thế giới và tại Việt Nam ưu tiên lựa chọn. Đây cũng là xu hướng và là nền tảng để doanh nghiệp có được sự phát triển ổn định, có khả năng cạnh tranh trên thị trường và tiết kiệm được chi phí về lâu dài.

Theo kết quả khảo sát của Ủy ban tiêu chuẩn ISO về số lượng chứng chỉ hợp lệ theo tiêu chuẩn HTQL ISO trên toàn thế giới (số liệu khảo sát được cung cấp bởi các công ty, tổ chức chứng nhận ISO được công nhận), tính đến ngày 31/12/2023, đã có 1.476.801 chứng chỉ ISO về HTQL (ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO 45001, ISO 50001, ISO 22301...) được cấp trên toàn cầu; trong đó, tại Việt Nam có 10.559 chứng chỉ về HTQL đã được cấp. Số lượng chứng chỉ tăng dần qua các năm, cho thấy các tổ chức ngày càng quan tâm đến chứng chỉ về HTQL để thuận lợi cho quá trình hoạt động.

Ngày 15/11/2021, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch số 8206/KH-UBND về việc *thực hiện Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, trong đó có nội dung hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các HTQL nhằm cải tiến năng suất, chất lượng của doanh nghiệp. Đến nay, Chương trình đã hỗ trợ cho 35 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng và đạt được giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về HTQL như HACCP, ISO 22000, GlobalGAP, Halal, ISO 9001, ISO 14001; tổ chức 23 lớp tập huấn về HTQL, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, sản xuất thông minh, chuyển đổi số ứng dụng trong các ngành sản xuất... Thông qua việc tham gia các lớp tập huấn và hỗ trợ áp dụng HTQL đã giúp doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa để

vừa đáp ứng cao nhất nhu cầu của khách hàng, vừa nâng cao vị thế và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường, vượt qua các rào cản kỹ thuật trong thương mại.

Việc áp dụng các mô hình, HTQL chất lượng là một đòi hỏi tất yếu trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu; không chỉ là điều kiện cần thiết mà còn là yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Những tiêu chuẩn này cung cấp các yêu cầu, điều khoản rõ ràng để quản lý chất lượng, an toàn, hiệu quả trong các hoạt động của doanh nghiệp. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp duy trì và cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà còn tạo ra sự tin tưởng từ khách hàng và đối tác. Hơn nữa, việc thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng còn góp phần tạo ra sự ổn định và nâng cao vị thế, giúp doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc cạnh tranh và mở rộng thị trường.

Việc áp dụng các HTQL theo tiêu chuẩn tại doanh nghiệp mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng có một số hạn chế, thách thức nhất định, cụ thể:

- Quy mô doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, hạn chế về nhân lực và tài chính, nhận thức về lợi ích của việc áp dụng HTQL chưa đầy đủ. Trong khi đó, chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả cho công tác tư vấn, đào tạo, đánh giá, cấp chứng nhận và duy trì HTQL khá cao.

- Việc xây dựng và áp dụng HTQL có thể mất từ vài tháng đến vài năm, đặc biệt đối với các doanh nghiệp chưa có nền tảng quản lý tốt, chưa có nguồn nhân lực để xây dựng, vận hành hệ thống.

- Sau khi được cấp chứng nhận, doanh nghiệp phải liên tục giám sát và cải tiến hệ thống để duy trì tiêu chuẩn; tuy nhiên, một số doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn chỉ để lấy chứng nhận theo yêu cầu của khách hàng, đối tác mà không thực sự

vận hành theo đúng tinh thần của hệ thống, dẫn đến việc thiếu cải tiến thực tế.

- Việc áp dụng tiêu chuẩn không mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp do không có sự cam kết mạnh mẽ từ lãnh đạo, sự tham gia của nhân viên.

Do đó, để nâng cao hiệu quả áp dụng các HTQL theo tiêu chuẩn tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới, xin đề xuất một số giải pháp thực hiện sau:

Nâng cao nhận thức và cam kết của doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần tổ chức các chương trình đào tạo cho lãnh đạo, nhân viên về lợi ích và cách vận hành HTQL theo tiêu chuẩn. Tăng cường cam kết của lãnh đạo trong việc đầu tư nguồn lực, tạo động lực cho nhân viên thực hiện các tiêu chuẩn một cách nghiêm túc. Tuyên truyền nội bộ để nhân viên hiểu rõ vai trò của mỗi cá nhân trong việc duy trì và cải tiến HTQL.

Hỗ trợ doanh nghiệp về tài chính và kỹ thuật

Các cơ quan chức năng cần tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc áp dụng và chứng nhận các HTQL theo tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp. Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp cần đơn giản, nhanh chóng và kịp thời. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc kết nối với các chuyên gia tư vấn, chứng nhận; thành lập các nhóm hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu theo từng lĩnh vực (nông sản, chế biến thực phẩm, du lịch,...).

Xây dựng mô hình áp dụng linh hoạt, phù hợp với đặc thù của tỉnh Lâm Đồng

Đối với ngành nông nghiệp và chế biến thực phẩm: áp dụng các tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP để nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Xây dựng chuỗi cung ứng nông sản

sạch, liên kết doanh nghiệp chế biến với hộ nông dân theo tiêu chuẩn HACCP, ISO 22000, BRC...; áp dụng tiêu chuẩn Halal để xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa sang thị trường các nước Hồi giáo.

Đối với ngành du lịch và dịch vụ: áp dụng tiêu chuẩn quản lý dịch vụ du lịch (ISO 9001, tiêu chuẩn VTOS) để nâng cao trải nghiệm cho khách hàng; phát triển mô hình du lịch xanh theo tiêu chuẩn quốc tế để thu hút khách hàng cao cấp.

Đơn giản hóa quy trình áp dụng tiêu chuẩn

Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn tiêu chuẩn dễ hiểu, phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ số để quản lý hệ thống (phần mềm ISO điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...).

Tổ chức kiểm tra định kỳ và đánh giá nội bộ để đảm bảo doanh nghiệp đang thực hiện đúng tiêu chuẩn và có sự cải tiến liên tục.

Kết nối doanh nghiệp với thị trường và đối tác

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm đạt tiêu chuẩn về HTQL thông qua các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các thị trường lớn, nhất là doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, thực phẩm chế biến. Khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Lâm Đồng có lợi thế về nông nghiệp, du lịch và chế biến thực phẩm, do đó, việc áp dụng HTQL theo tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện địa phương, doanh nghiệp, cùng sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước, kết hợp với nỗ lực từ doanh nghiệp sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.



Mô hình trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ cao

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT AN TOÀN TRONG NÔNG NGHIỆP TẠI LÂM ĐỒNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

LÊ THỊ THANH NGÀ

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng

Nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm trong tình hình mới, trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã đẩy mạnh phát triển, duy trì nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ an toàn, theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, tạo ra nguồn nông sản sạch để người tiêu dùng có nhiều lựa chọn.

Lâm Đồng là địa phương có tiềm năng và lợi thế về tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực và điều kiện sinh thái phù hợp để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô hàng hóa với các loại nông sản ưu thế so với các vùng khác. Toàn tỉnh hiện có 328.514 ha đất canh tác nông nghiệp, 417.240 ha đất gieo trồng (trong đó, 136.600 ha đất sản xuất cây

hàng năm; 280.700 ha cây lâu năm). Tính đến hết năm 2024, toàn tỉnh có 69.637 ha sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như rau, hoa, cà phê, cây ăn quả, chè,... Hình thành và phát triển trên 255 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và kiểm soát chất lượng theo chuỗi an toàn,

đáp ứng năng lực cạnh tranh quốc tế (với sự tham gia của 31.921 hộ, quy mô liên kết trong trồng trọt đạt 54.270 ha với sản lượng 667.252 tấn; chăn nuôi đạt 1.054.727 con, sản lượng 164.362 tấn). Đồng thời, tỉnh Lâm Đồng cũng tập trung phát triển mạnh các nhãn hiệu, đặc biệt là thương hiệu "*Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành*" với các sản phẩm rau, hoa, cà phê arabica và du lịch canh nông.

Trong những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh, hữu cơ,... đã được người sản xuất chú trọng áp dụng để tạo ra những sản phẩm an toàn, nâng cao giá trị hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, nhằm hướng đến một nền nông nghiệp bền vững, hiện đại.

Trên cơ sở Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về *một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hiện sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng dự thảo và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 *quy định về nội dung, danh mục và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*.

Tính đến năm 2024, Sở đã hỗ trợ cho 559 cơ sở áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể:

- Về trồng trọt:

Tổng diện tích hỗ trợ 1.520,68 ha; trong đó, 245 cơ sở trồng rau các loại với diện tích 583,08 ha; 244 cơ sở trồng cây ăn trái với diện tích 782 ha; 08 cơ sở trồng chè với diện tích 36,3 ha; 15 cơ sở trồng

cà phê với diện tích 65,5 ha; 10 cơ sở trồng dược liệu với diện tích 30,8 ha; 01 cơ sở trồng tiêu với diện tích 03 ha; 02 cơ sở trồng lúa với diện tích 20 ha.

- Về chăn nuôi:

Đã thực hiện hỗ trợ 06 cơ sở nuôi cá tầm quy mô 200.000 con; 01 cơ sở chăn nuôi ong với quy mô 400 đàn; 16 cơ sở chăn nuôi heo với quy mô 3.220 con; 08 cơ sở chăn nuôi gia cầm với quy mô 91.700 con; 02 cơ sở chăn nuôi bò với quy mô 48 con.

Tính đến hết năm 2024, Sở đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho 10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh với các loại cây trồng (rau, chè, cà phê, cây ăn trái, dược liệu, tiêu, lúa...); thủy sản (cá tầm), ong, gia súc, gia cầm.

Cùng với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, các cơ sở cũng đã tự đầu tư để phát triển diện tích sản xuất. Theo thống kê, đến hết năm 2024, diện tích được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP trên địa bàn là 8.412,41 ha, trong đó, 3.833 ha rau; 652,6 ha chè; 2.922,2 ha cây ăn trái; 605,2 ha lúa; 75,9 ha dược liệu; 315,5 ha cà phê; 03 ha tiêu.

Về áp dụng tiêu chuẩn VietGAHP trong chăn nuôi: 06 cơ sở nuôi cá tầm quy mô 200.000 con; 09 trang trại chăn nuôi heo với quy mô 193.750 con; 08 cơ sở chăn nuôi gia cầm với quy mô 91.700 con; 26 cơ sở chăn nuôi ong với quy mô 5.860 đàn ong.

Về áp dụng quy trình chăn nuôi tốt theo VietGAP nông hộ: có 04 vùng chăn nuôi với 50 tổ hợp tác với 718 hộ, quy mô 67.882 con heo, sản lượng khoảng 14.339 tấn; chứng nhận organic cho khoảng 1.045 con bò sữa tại Trang trại Vinamilk Organic Đà Lạt.

Thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, quy trình thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP đã giúp các cơ sở sản xuất,

nông dân nhận thấy được lợi ích của việc áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất an toàn trong nông nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, dễ dàng tiếp cận các hệ thống phân phối lớn và vươn xa hơn trên thị trường trong nước lẫn quốc tế; đồng thời, tạo được uy tín cho khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh, khẳng định vị thế của sản phẩm trên thị trường, từ đó, mở ra nhiều cơ hội cho cơ sở sản xuất, nông dân.

Sau khi áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh đã tiến tới xây dựng thương hiệu cho sản phẩm đặc trưng, thế mạnh giúp quảng bá sản phẩm tốt hơn, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất an toàn trong nông nghiệp, trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục hỗ trợ và tăng mức kinh phí hỗ trợ hàng năm để mở rộng diện tích sản xuất, đổi tượng cây trồng, vật nuôi.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của việc sản xuất an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân sản xuất nông sản, hộ chăn nuôi đạt các tiêu chuẩn, chứng nhận nông sản bền vững, qua đó giúp đưa nông sản hội nhập sâu, rộng vào thị trường thế giới.

- Đào tạo, tập huấn và chuyển giao các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất rau, hoa, dâu tây, dược liệu theo mô hình trang trại thông minh, tuần hoàn của các nước tiên tiến (Hàn Quốc, Bỉ, Nhật Bản,...), góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh, sinh thái, tuần hoàn trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị cho nông sản. Đẩy mạnh liên kết giữa các tổ chức

sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản giúp nâng cao giá trị sản phẩm, ổn định thị trường tiêu thụ và giảm thiểu rủi ro trong sản xuất. Tiếp tục mở rộng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ hiệu quả.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong giám sát, quản lý vùng sản xuất nông sản, đặc biệt là nông sản được chứng nhận, đảm bảo công tác truy xuất nguồn gốc, phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin và yêu cầu về an toàn thực phẩm.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Duy trì hệ thống giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ từ khâu sản xuất đến khi đưa ra thị trường. Tăng cường thực hiện các cuộc kiểm tra định kỳ và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nhằm tạo môi trường sản xuất nông sản an toàn, minh bạch.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn để cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến phát triển toàn diện, bền vững và hiện đại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025.

Sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững là xu hướng tất yếu; tuy nhiên, việc xây dựng lộ trình cần đảm bảo phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kế hoạch phát triển của ngành nông nghiệp và lĩnh vực có liên quan, thu hút được các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của thị trường, phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương, góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, từ đó tăng thu nhập cho người dân.



Hội thảo khoa học Hoàn thiện cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ đăng ký chỉ dẫn địa lý “Lâm Đồng” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Lâm Đồng

XÂY DỰNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ LÂM ĐỒNG GẮN VỚI TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

TRẦN QUỐC TUẤN

Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để phân biệt các sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể. Để được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, các sản phẩm phải có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính mà chủ yếu là do điều kiện địa lý mang lại. Chính vì yếu tố này, các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý sẽ dễ dàng nổi bật hơn, thậm chí có giá trị hơn so với các sản phẩm tương tự trên thị trường. Mặt khác, việc áp dụng bảo hộ chỉ dẫn địa lý còn giúp ngăn ngừa và chống lại các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, làm mất đi giá trị và danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Tỉnh Lâm Đồng là địa phương có điều

kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây cà phê. Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có hơn 170.000 ha diện tích sản xuất cà phê, sản lượng hàng năm đạt khoảng 600.000 tấn; giá trị ngành cà phê chiếm 60% ngành nông nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, để gia tăng giá trị sản phẩm và khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế, việc xây dựng chỉ dẫn địa lý gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê Lâm Đồng đang được ưu tiên triển khai.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Chỉ dẫn địa lý là công cụ pháp lý nhằm bảo vệ và nâng cao giá trị của sản phẩm địa phương, giúp nhận diện những đặc điểm đặc thù gắn liền với vùng địa lý. Đối

với cà phê Lâm Đồng, chỉ dẫn địa lý không chỉ khẳng định chất lượng sản phẩm mà còn bảo vệ uy tín thương hiệu trước nguy cơ cạnh tranh không lành mạnh và giả mạo trên thị trường.

Bên cạnh đó, hệ thống truy xuất nguồn gốc là một phần không thể thiếu trong quá trình này. Với sự hỗ trợ của công nghệ, hệ thống truy xuất nguồn gốc giúp minh bạch thông tin về quy trình sản xuất, chế biến và phân phối. Người tiêu dùng và đối tác có thể dễ dàng kiểm tra nguồn gốc, đảm bảo sản phẩm thực sự xuất xứ từ vùng địa lý Lâm Đồng, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Trong thời gian qua, thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “*Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Lâm Đồng” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Lâm Đồng*” đã xác định một số tính chất đặc trưng của sản phẩm cà phê arabica, robusta của tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể, cà phê arabica nhân có màu xám xanh ngọc đậm, thể chất hạt vừa phải, mượt mà; khi rang lên có màu nâu hơi sẫm, bóng mượt; hương sang trọng, phong phú, có nhiều hương (trái cây, hạnh nhân, đường nâu, chocolate, trà hoa hồng, mật ong); có vị chua của cam, chanh, mơ, đào, axit citric, axit malic. Cà phê robusta nhân có màu xám sáng, hơi xanh vàng; hạt rang có màu nâu sẫm, hơi bóng; hương thiên về trái cây tươi, chocolate nhẹ, hương hoa, hương ngọt của mía đường, trà đen, trà hoa hồng, caramel, trái cây khô; có vị chua vừa của axit citric, mặn thấp, đắng thấp, ngọt vừa; thể chất hạt vừa.

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ LÂM ĐỒNG

Xác định vùng địa lý và đặc điểm đặc trưng

Phạm vi áp dụng

Các khu vực trồng cà phê gồm vùng trồng cà phê arabica, robusta tại tỉnh Lâm Đồng. Khu vực địa lý đăng ký bảo hộ gồm: thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Lâm Hà, Di Linh, Đức Trọng, Đam Rông, Bảo Lâm, Đạ Huoai.

Đặc điểm tự nhiên

Các yếu tố điều kiện địa hình, khí hậu và thổ nhưỡng ảnh hưởng đến đặc thù vùng địa lý trồng cà phê arabica, robusta của tỉnh Lâm Đồng.

Vùng địa lý trồng cà phê arabica của Lâm Đồng có độ cao phân bố trên 1.200-2.200 m so với mực nước biển và khác so với những vùng khác (Sơn La; Khe Sanh của Quảng Trị), từ đó tạo nên hương vị khác biệt và đặc trưng riêng.

Hương vị cảm nhận cà phê robusta ở Lâm Đồng thiên về trái cây tươi, hương chocolate nhẹ, khác biệt với hương cảm nhận cà phê ở Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) và Đắk Hà (Kon Tum).

Xây dựng tiêu chuẩn và quy trình sản xuất

Giống và canh tác

Lựa chọn giống cà phê phù hợp, áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ hoặc bền vững để đảm bảo chất lượng đồng đều.

Chế biến và bảo quản

Sử dụng công nghệ chế biến hiện đại như phơi nắng tự nhiên, lên men ướt hoặc chế biến mật ong để gia tăng giá trị cảm quan của hạt cà phê.

Quy định tiêu chuẩn chất lượng

Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, từ hàm lượng caffeine, protein thô đến đặc tính cảm quan như hương thơm, vị đắng, độ chua.

Ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm là xu hướng tất yếu trong bối cảnh hội nhập

quốc tế. Xác định việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý, gia tăng giá trị sản phẩm, tạo niềm tin với người tiêu dùng, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, trong thời gian qua, tỉnh Lâm Đồng đã đẩy mạnh hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Ngày 17/4/2024, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 2976/KH-UBND về việc thực hiện *Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*. Để hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cấp tỉnh kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn HACCP, ISO 22000, FSSC 22000, Halal... Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã phê duyệt và giao nhiệm vụ cho Sở Khoa học và Công nghệ, Viettel Lâm Đồng xây dựng hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh Lâm Đồng và triển khai thí điểm mô hình truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm cà phê Arabica Đà Lạt, sầu riêng Đạ Huoai.

Một số giải pháp ứng dụng truy xuất nguồn gốc và lựa chọn áp dụng truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cà phê của tỉnh Lâm Đồng như:

- Gắn mã QR trên từng bao bì sản phẩm, cho phép người tiêu dùng truy cập thông tin chi tiết như vùng sản xuất, ngày thu hoạch, phương pháp chế biến, chứng nhận chất lượng.

- Áp dụng công nghệ blockchain để lưu

trữ và bảo mật dữ liệu sản phẩm, giúp minh bạch hóa thông tin toàn bộ chuỗi cung ứng, từ người nông dân đến nhà sản xuất, người tiêu dùng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chung kết nối với cổng thông tin quốc gia để quản lý thông tin sản phẩm, đảm bảo tính chính xác và cập nhật liên tục.

Đào tạo và nâng cao nhận thức

- Tổ chức các khóa tập huấn cho nông dân, doanh nghiệp về lợi ích của chỉ dẫn địa lý, hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Phổ biến kiến thức về canh tác bền vững, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và gia tăng giá trị chuỗi cung ứng.

HIỆU QUẢ VÀ KỶ VỌNG

Việc triển khai chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm cà phê Lâm Đồng sẽ mang lại nhiều lợi ích:

- Bảo vệ thương hiệu cà phê Lâm Đồng: giảm thiểu tình trạng giả mạo sản phẩm, khẳng định uy tín trên thị trường.

- Tăng giá trị kinh tế: sản phẩm được chứng nhận chỉ dẫn địa lý mang lại niềm tin, gia tăng giá trị sản phẩm, tạo thu nhập bền vững cho nông dân, doanh nghiệp.

- Phát triển bền vững: khuyến khích các phương pháp sản xuất thân thiện với môi trường, cải thiện chất lượng đất và bảo vệ hệ sinh thái.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu: đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản và các quốc gia khác.

Xây dựng chỉ dẫn địa lý cà phê Lâm Đồng gắn với truy xuất nguồn gốc không chỉ là bước đi chiến lược nhằm bảo vệ và nâng tầm thương hiệu, mà còn góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp địa phương. Đây là minh chứng cho sự kết hợp giữa truyền thống và công nghệ hiện đại, mở ra nhiều cơ hội lớn cho cà phê Lâm Đồng trên bản đồ thế giới.



HOA ĐÀ LẠT TRONG XU THẾ HỘI NHẬP

LÊ TUẤN ANH

UBND thành phố Đà Lạt

Nghề trồng hoa tại Đà Lạt được hình thành từ những năm 30 của thế kỷ 20. Giờ đây, thương hiệu “Hoa Đà Lạt” ngày càng tạo được vị thế trên thị trường. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập quốc tế và cạnh tranh với những nước có nền nông nghiệp sản xuất hoa tiên tiến, cần có chiến lược phát triển ngành hoa Đà Lạt trở thành ngành sản xuất hàng hóa giá trị cao, bền vững với chuỗi giá trị hội nhập khu vực, quốc tế.

Thành phố Đà Lạt là địa phương có tiềm năng và lợi thế về tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực và điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất nông nghiệp với quy mô hàng hóa với các loại nông sản có ưu thế so với các vùng khác như: rau, hoa, dâu tây, atisô, hồng ăn trái, chè, cà phê. Các nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, Hồng

Đà Lạt, Dâu tây Đà Lạt,... được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp văn bằng bảo hộ đang dần phát triển.

Trên địa bàn thành phố Đà Lạt hiện có 10 phường và 04 xã sản xuất nông nghiệp. Đến nay, toàn thành phố có trên 10.500 ha đất sản xuất nông nghiệp; trong đó, 7.120 ha sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chiếm 67,8% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Giá trị thu nhập bình quân đạt 500 triệu đồng/ha/năm. Riêng cây hoa, diện tích gieo trồng đạt 6.070 ha, sản lượng trên 2,4 tỷ cành; tổng diện tích hoa ứng dụng công nghệ cao 1.986 ha; giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên một đơn vị diện tích đạt 01 tỷ đồng; một số mô hình canh tác hoa cao cấp có giá trị thu hoạch từ 2,5-3 tỷ đồng/ha/năm như lily, địa lan.

Ngoài ra, UBND thành phố cũng đã phê duyệt quy hoạch chi tiết làng hoa Vạn

Thành (Phường 5) quy mô 27 ha (Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 29/3/2023); làng hoa Xuân Thành (xã Xuân Thọ) quy mô 20,05 ha (Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2023); làng hoa Thái Phiên được thành lập theo Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 của UBND tỉnh Lâm Đồng với diện tích trồng hoa gần 300 ha. Việc triển khai quy hoạch các làng hoa góp phần định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với bảo tồn làng nghề truyền thống kết hợp với dịch vụ du lịch tại địa phương.

Trên địa bàn thành phố có nhiều doanh nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng hoa cho thị trường trong và ngoài nước như Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Rừng hoa Đà Lạt; Công ty TNHH Dalat Hasfarm; Công ty TNHH Đà Lạt G.A.P; Công ty TNHH Trang trại Langbiang; Công ty TNHH Sinh học Sạch (Biofresh); Công ty TNHH Công nghệ sinh học F1; Công ty TNHH Quang Nguyên Đà Lạt; Công ty Cổ phần cây giống Cao Nguyên.

Thị trường tiêu thụ hoa của các hộ dân chủ yếu là kênh truyền thống thông qua các chợ. Ngoài ra, các loại hoa còn được tiêu thụ thông qua ký kết hợp đồng; hiện có 08 chuỗi liên kết với 318 hộ/107 ha, sản lượng ký kết 102 triệu cành. Đến nay, thành phố vẫn duy trì diện tích gieo trồng hoa hiện có với đa dạng chủng loại, gồm hoa cao cấp (lily, cẩm chướng, cát tường, đồng tiền, hồng châu Âu, Arum, phong lan, địa lan,...); hoa thương mại (cúc, baby, sao tím, lay-ơn, mồm sói, cẩm tú cầu, hướng dương, tulip, hồng môn...); cây lá trang trí (đuôi chồn, lá ren bạc, tùng nho, đô la, dương xỉ, lá chanh, lá lan, cau, môn trắng...); các loài hoa khác (dã quỳ, cỏ hồng, mai anh đào, hoa ban Tây Bắc, mimosa, móng cọp xanh, móng cọp đỏ, thiên lý, hồng phúc, mai xanh, hồng ri, xác pháo, lavender, phượng tím,...).

Xác định được tầm quan trọng của ngành hoa Đà Lạt trong quá trình hội nhập, trong thời gian tới, cần có những bước đi mang tính đột phá để từ đó Đà Lạt không chỉ lớn mạnh về thương hiệu hoa mà còn là nơi sản xuất lớn, thị trường giao dịch và cung ứng hoa hàng đầu ở khu vực như:

1. Phối hợp đầu tư xây dựng Trung tâm Giao dịch hoa Đà Lạt, phát triển các làng hoa theo Đề án đã được phê duyệt để tạo điểm đến tham quan, mua sắm, phát huy thế mạnh du lịch địa phương và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hoa, chú trọng lồng ghép các nguồn lực để đầu tư cải tạo hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, nâng cấp các công trình thủy lợi, hệ thống điện phục vụ sản xuất. Khuyến khích đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

3. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Tùy vào mỗi thị trường, chủng loại mà hoa sẽ có những bộ tiêu chuẩn nhất định; nhưng nhìn chung, hoa xuất khẩu phải đảm bảo chất lượng đồng đều, độ bền cao và có bản quyền giống. Để thực hiện được điều này, ngoài việc thử nghiệm, lai tạo các loại giống hoa mới, người trồng hoa phải có quy trình sản xuất hiện đại, quản lý chất lượng sản phẩm trước và sau thu hoạch bài bản.

4. Phát triển bền vững là xu thế tất yếu của ngành nông nghiệp không chỉ riêng của Việt Nam. Rất nhiều đơn vị, công ty đã nghiên cứu và phát triển các loài côn trùng, nấm có ích để ứng dụng vào sản xuất nhằm kiểm soát sâu, bệnh, nấm hại trên cây trồng. Từ đó, mang đến những sản phẩm nông sản sạch, không có hóa chất, an toàn nhằm bảo vệ môi trường và

sức khỏe người tiêu dùng, kể cả hoa.

5. Xây dựng, nâng cấp, đầu tư cơ sở nuôi cấy mô, vườn ươm cao cấp bằng nhiều nguồn vốn như ODA, FDI của các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Israel... để tạo nguồn cây cấy mô, lai tạo nguồn cây F1 các giống hoa mới.

6. Chuyển dịch căn đổi cơ cấu các giống hoa chất lượng cao (lily, hồng, cát tường, cẩm chướng, đồng tiền,...). Đồng thời, phát triển hoa chậu để đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng.

7. Tiếp tục và duy trì công tác nắm bắt thông tin sản xuất hoa tại địa phương, từ đó, dự tính, dự báo thị trường trong nước và quốc tế.

8. Phát triển mô hình liên doanh, liên kết, liên hiệp các hợp tác xã; khuyến khích giao dịch thông qua hợp đồng. Trong đó, phát huy hơn nữa vai trò của các hiệp hội trong hoạt động buôn bán, giao dịch, nhất là quyết định giá sản phẩm hoa, cạnh tranh lành mạnh thông qua đấu giá.

9. Đẩy mạnh hơn nữa việc xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

10. Xây dựng quy trình phân loại, bảo quản hoa; ưu tiên đầu tư công nghệ mới sau thu hoạch, quy cách đóng gói, vận chuyển bằng hình thức đảm bảo không làm giảm chất lượng và hư hại hoa.

11. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ từ các nước tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ giống cây trồng, công nghệ thông tin trong nông nghiệp, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường.

- Thực hiện xã hội hóa để hỗ trợ các cơ quan nghiên cứu, nhà khoa học, doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao đồng bộ trong các khâu

sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Triển khai công nghệ thông tin dự tính, dự báo thị trường. Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ IoT trong điều khiển hệ thống tưới tự động, cung cấp dinh dưỡng qua hệ thống tưới, phun thuốc tự động; hệ thống cảm biến điều khiển ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm,..

12. Tiếp tục phát triển thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” trở thành thương hiệu lớn mạnh trong nước và quốc tế.

13. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, quy hoạch ngành nông nghiệp, vùng sản xuất chuyên canh, vùng sản xuất hoa công nghệ cao theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh phê duyệt *Đề án Quản lý nhà kính, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*.

14. Thường xuyên tập huấn, đào tạo nhân lực ngành hoa về quản lý, thông tin thị trường, thương mại, từ đó, thu hút đầu tư vào sản xuất, xuất khẩu hoa.

15. Festival Hoa Đà Lạt là dịp để du khách trong và ngoài nước đến Đà Lạt để chiêm ngưỡng, thưởng thức, khám phá, giao lưu và gắn kết với con người Đà Lạt, từ đó lan tỏa những mô hình, không gian về hoa độc đáo. Do đó, cần phát triển Festival Hoa Đà Lạt trở thành một thương hiệu lớn mang tầm khu vực, quốc tế.

Ngành hoa Đà Lạt - Lâm Đồng trong xu thế hội nhập đòi hỏi từ hệ thống chính trị đến các tổ chức, cá nhân, người nông dân phải không ngừng vận động, học tập, ứng dụng, sáng tạo, thích ứng, năng động với vùng đất ngàn hoa gắn thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”.

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI GĂNG TAY PHẢN HỒI XÚC GIÁC TRONG KHÔNG GIAN ẢO



Ảnh: Báo Tuổi trẻ

Nhằm giảm bớt gánh nặng nhân lực chăm sóc bệnh nhân, nâng cao việc tập luyện cho bệnh nhân so với việc tập luyện truyền thống, nhóm nghiên cứu của Đại học Bách khoa Hà Nội đã chế tạo thành công găng tay phản hồi xúc giác trong không gian ảo để giúp các bệnh nhân phục hồi chức năng.

Thiết bị găng tay phản hồi xúc giác trong không gian ảo là sự kết hợp giữa công nghệ và y học để tạo nên thiết bị tiên tiến hỗ trợ phục hồi chức năng vận động tay thông qua công nghệ thực tế ảo. Trong đó, hệ thống phục hồi chức năng sử dụng công nghệ thực tế ảo gồm phần cứng là 01 găng tay phản hồi xúc giác, 01 chiếc kính thực tế ảo; phần mềm là môi trường ảo xây dựng trên phần mềm Unity.

Thiết bị sử dụng công nghệ thực tế ảo mô phỏng môi trường tương tác trực

quan, giúp bệnh nhân thực hiện các bài tập vận động tay một cách hiệu quả và sinh động hơn. Hệ thống cảm biến tích hợp trong thiết bị có khả năng ghi lại các thông số quan trọng như lực cầm nắm, độ rung của ngón tay, phạm vi chuyển động. Những dữ liệu này sẽ được phân tích và cung cấp cho bác sĩ, giúp đánh giá tiến trình hồi phục và điều chỉnh phương pháp điều trị phù hợp nhất cho từng bệnh nhân. Ngoài ra, với kính ảo, bệnh nhân có thể giảm thiểu cảm giác nhàm chán và áp lực trong quá trình phục hồi chức năng. Các bài tập được thiết kế theo gói với từng độ khó khác nhau cho người bệnh.

Sản phẩm không chỉ mang lại giá trị thực tiễn cao mà còn hứa hẹn trở thành một bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ vào phục hồi chức năng vận động sau chấn thương, mở ra tiềm năng phát triển mạnh mẽ lĩnh vực này.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Đại học Bách khoa Hà Nội.
Số 01 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024. 3869 4242

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

GIỐNG TÁO VC01 VÀ VC04

Thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ "Xây dựng mô hình sản xuất giống táo mới VC01, VC04 trên địa bàn tỉnh Hải Dương", Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm đã tuyển chọn được 02 giống táo mới đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng.

GIỐNG TÁO VC04

Là giống táo mới được tuyển chọn từ một mẫu giống táo nhập nội. Giống được Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm tự công bố lưu hành theo Văn bản số 477/VCLT-KH ngày 24/12/2024 và được đăng tải trên cơ sở dữ liệu ngành trồng trọt ngày 25/12/2024.

Là giống táo chín sớm, thời gian ra hoa từ ngày 05-25/8, thời gian thu hoạch quả từ ngày 10-25/11 năm trước đến tháng 01 năm sau.

Giống có khả năng sinh trưởng và phát triển khỏe. Giống cho năng suất cao, trên 6 tấn/ha (tuổi 1); trên 15 tấn/ha (tuổi 2); trên 40 tấn/ha (tuổi 3). Nhiễm nhẹ bệnh sương mai, phấn trắng (điểm 1-3).

GIỐNG TÁO VC01

Là giống táo mới được tuyển chọn từ một mẫu giống táo nhập nội, mang mã số MT01 trong 04 mẫu táo nhập nội vào năm 2012. Giống được Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm tự công bố lưu hành theo Quyết định số 187/VCLT-KH ngày 18/6/2021 và tiếp nhận hồ sơ của Cục Trồng trọt số 1061/TB-TT-CLT ngày 19/10/2021.



Giống táo VC01

Là giống chín muộn, thời gian ra hoa bắt đầu từ ngày 10-20/9 và cho thu hoạch quả từ ngày 05-10/12 năm trước đến tháng 02 năm sau.

Giống có khả năng sinh trưởng và phát triển khỏe, phân cành thưa, cành vươn thẳng, tán cân đối, cành non có nhiều lông mịn màu nâu, khi thành thực cành chuyển màu nâu, thân màu nâu xám có gai. Lá to hình bầu dục, đầu lá tròn, xanh đậm, phiến lá cong và nhẵn, mặt dưới có lông dày mềm, mép khía răng, 3 gân gốc. Giống cho năng suất từ 16-18,5 tấn/ha (tuổi 2). Nhiễm nhẹ bệnh thối quả do nấm thối âm (*Phytophthora cactorum*) hoặc nấm gây thối khô (*Rhizopus arrhizus*).

Giống VC01, VC04 có chiều cao cây từ 1,3-2,2 m, đường kính gốc 3,5-5 cm, đường kính tán 1,8-2,5 m. Cả 02 giống đều có quả to, ăn giòn, ngọt mát, được thị hiếu người tiêu dùng chấp nhận.

*Thông tin chi tiết xin liên hệ: Bộ môn Cây thực phẩm,
Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.*

Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Điện thoại: 0220.3716397

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



HOA KỲ

Sản phẩm điều chỉnh: đồ uống có cồn.

Thông báo số: G/TBT/N/USA/2183, ngày 22 tháng 01 năm 2025.

Mô tả nội dung: dự thảo của Cục Thuế và Thương mại rượu và thuốc lá (TTB) đề xuất yêu cầu đối với việc công bố nhãn mác của tất cả các chất gây dị ứng thực phẩm chính được sử dụng trong quá trình sản xuất đồ uống có cồn theo thẩm quyền quản lý của TTB đáp ứng theo Đạo luật quản lý rượu Liên bang. Theo các quy định được đề xuất, trừ khi có ngoại lệ, nhãn mác phải ghi rõ sữa, trứng, cá, động vật giáp xác, hạt cây, lúa mì, đậu phộng, đậu nành và vừng, cũng như các thành phần có chứa protein có nguồn gốc từ những thực phẩm này nếu được sử dụng trong quá trình sản xuất đồ uống có cồn. TTB đề xuất thời gian tuân thủ là 05 năm kể từ ngày văn bản được công bố chính thức trên Công báo Liên bang.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: thông tin cho người tiêu dùng, dán nhãn; phòng ngừa các hành vi lừa dối và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người.

Ngày dự kiến có hiệu lực: sẽ được xác định.

Ngày dự kiến thông qua: sẽ được xác định.

Ngày cuối cùng để lấy ý kiến: 17/4/2025.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Thuế và Thương mại rượu và thuốc lá (TTB), Bộ Tài chính.

Email: usatbtep@nist.gov.



TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



ZAMBIA

Sản phẩm điều chỉnh: các sản phẩm từ cà chua.

Thông báo số: G/TBT/N/ZMB/100, ngày 27 tháng 03 năm 2025.

Mô tả nội dung: dự thảo tiêu chuẩn Zambia này chỉ định đối với các sản phẩm từ cà chua, cụ thể là nước ép cà chua, tương cà, nước sốt, sốt nhuyễn và bột nhão về việc thử nghiệm vật lý, hóa học, vi sinh cho các sản phẩm này.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: thông tin cho người tiêu dùng, ghi nhãn; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người; bảo vệ môi trường; yêu cầu về chất lượng; giảm rào cản thương mại và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại.

Ngày dự kiến thông qua: sẽ được xác định.

Ngày dự kiến có hiệu lực: sẽ được xác định.

Ngày cuối cùng để lấy ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cơ quan Tiêu chuẩn bắt buộc Zambia (ZCSA).

Địa chỉ: hòm thư 31302, Lusaka, Zambia

Điện thoại: +260 211 224900

Email: info@zcsa.org.zm





Ảnh: Internet

BỘ TIÊU CHÍ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XANH - ECGI (E-COMMERCE GREEN INDEX)

Bộ tiêu chí Thương mại điện tử xanh sẽ giúp các doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến thuận lợi hơn trong việc xác định mục tiêu và lộ trình triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường.

Trong bối cảnh phát triển xanh, bền vững là xu thế tất yếu, thương mại điện tử xanh đang là đòi hỏi bức thiết hiện nay. Trong báo cáo tóm tắt "*Bộ tiêu chí thương mại điện tử xanh - ECGI*", Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên Việt Nam (WWF Việt Nam) định nghĩa, thương mại điện tử xanh là hoạt động kinh doanh trực tuyến hướng đến giảm chất thải, khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng, tắc nghẽn giao thông và tiếng ồn; đồng thời, khuyến khích sự tham gia có trách nhiệm với môi trường trong toàn bộ quá trình kinh doanh từ sản

xuất, cung ứng hàng hóa đến người tiêu dùng và thu gom, tái chế, tái sử dụng. Mô hình này sẽ giúp giảm chất thải nhờ việc sử dụng bao bì thân thiện với môi trường phù hợp với quy định của pháp luật; giảm phát thải khí nhà kính thông qua áp dụng các mô hình sản xuất, vận chuyển thân thiện hơn với môi trường; bảo vệ hệ sinh thái do sử dụng ít hơn các chất độc hại, năng lượng, bao bì.

Thực tế cho thấy, thương mại điện tử có quan hệ mật thiết với kinh tế số, dịch vụ logistics và bưu chính, chuyển phát; đồng thời, liên kết sâu, rộng đến nhiều lĩnh vực sản xuất, công nghệ. Do đó, sự phát triển thương mại điện tử xanh phụ thuộc vào các chính sách và pháp luật vĩ mô cũng như chuyên ngành.

Xét về tổng thể, WWF Việt Nam nhìn nhận, hệ thống chính sách vĩ mô đối với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường ở Việt Nam thuận lợi cho hoạt động triển khai thương mại điện tử xanh. Việt Nam cam kết mạnh mẽ đối với Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc và đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia triển khai Chương trình này; đồng thời, đã ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 đều nhấn mạnh đến xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường 2020 cùng các Nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã tạo ra hệ thống chính sách, pháp luật khá đồng bộ và cụ thể về bảo vệ môi trường cùng các lĩnh vực cụ thể như giảm phát thải khí nhà kính, giảm bao bì và chất thải nhựa, đặc biệt là chất thải nhựa đại dương...

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, sự phát triển thương mại điện tử xanh ở Việt Nam còn đối mặt với nhiều trở ngại. Các chính sách liên quan trực tiếp đến phát triển thương mại điện tử vẫn chưa gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường. Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025, Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đều chưa lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, nhất là các yêu cầu về giảm sử dụng, tái sử dụng và tái chế bao bì, vật liệu nhựa trong hoạt động thương mại điện tử và dịch vụ chuyển phát nhanh.

Đối với các văn bản pháp luật liên quan đến thương mại điện tử bao gồm Luật

Thương mại, Luật Bưu chính, Nghị định về thương mại điện tử, Nghị định về kinh doanh dịch vụ logistics hầu như chưa có các quy định về bảo vệ môi trường, mà chỉ chủ yếu giới hạn ở việc cấm kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện...

Ngoài ra, hoạt động phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng trong lĩnh vực thương mại điện tử còn thấp, rời rạc. Hầu hết doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến chưa nhiệt tình với hoạt động bảo vệ môi trường do nhận thức chưa cao, chi phí kinh doanh gia tăng, chưa có các quy định pháp luật cụ thể. Một số người tiêu dùng đã nhận thấy tác động tiêu cực của thương mại điện tử đến môi trường nhưng vẫn thụ động trong việc thay đổi các thực hành cần thiết, chưa tạo ra những áp lực đủ lớn đến các cơ quan quản lý nhà nước cũng như doanh nghiệp liên quan...

Vì vậy, việc xây dựng và quảng bá rộng rãi bộ tiêu chí hướng dẫn đánh giá và nhận diện các doanh nghiệp thương mại điện tử xanh, mô hình thương mại điện tử bền vững, không bao bì nhựa khó phân hủy là cần thiết, qua đó sẽ hỗ trợ thương mại điện tử phát triển bền vững, thân thiện hơn với môi trường.

Bộ tiêu chí Thương mại điện tử xanh - ECGI giúp các doanh nghiệp xác định được toàn diện, nhanh chóng, cụ thể các hoạt động cần triển khai để thân thiện với môi trường; hoàn thiện hơn hoạt động đóng gói, quản lý kho, giao hàng, từng bước giảm quy mô bao bì, chất thải. Từ đó, nâng cao uy tín, hiệu quả kinh doanh với người dùng và đối tác, nhất là trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến mua sắm sản phẩm từ các thương hiệu thân thiện với môi trường.

Bộ tiêu chí áp dụng với 04 nhóm thương nhân, doanh nghiệp tham gia chuỗi hoạt động để bán sản phẩm trực tuyến đến người tiêu dùng cuối cùng, bao gồm: thương nhân bán hàng hóa của mình trên website/app của mình hoặc trên các nền tảng thương mại điện tử; thương nhân là người môi giới cung cấp dịch vụ trực tuyến bán hàng hóa không phải sở hữu của mình; doanh nghiệp sở hữu/vận hành nền tảng thương mại điện tử; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoàn tất đơn hàng, giao hàng chặng cuối.

Bộ tiêu chí được chia làm 06 tiêu chí lớn với 19 tiêu chí thành phần. Cụ thể:

Nhóm tiêu chí thứ nhất là cam kết triển khai thương mại điện tử xanh theo mô hình bền vững. Trong tiêu chí này, thương nhân và doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử cần đưa ra cam kết rõ ràng về kinh doanh thương mại điện tử xanh theo mô hình bền vững.

Nhóm tiêu chí thứ hai là hàng hóa, với 02 tiêu chí thành phần: quảng cáo kinh doanh hàng hóa môi trường bị pháp luật cấm kinh doanh; tuân thủ các điều kiện đối với hàng hóa môi trường mà pháp luật hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

Nhóm tiêu chí thứ ba là dịch vụ hoàn tất đơn hàng. Cụ thể gồm các tiêu chí nhỏ như: không sử dụng bao bì, vật liệu, dụng cụ nhựa bị pháp luật cấm sử dụng; hạn chế sử dụng bao bì, vật liệu, dụng cụ nhựa và các sản phẩm liên quan đến dịch vụ hoàn tất đơn hàng tác động xấu đến môi trường; ưu tiên đóng gói thân thiện môi trường; hoạt động quản lý kho và giao hàng thân thiện môi trường; hoàn trả hàng thân thiện môi trường, chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam cho sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

Nhóm tiêu chí thứ tư là hỗ trợ người dùng tham gia bảo vệ môi trường bằng

cách khuyến khích, hỗ trợ khách không dùng hoặc giảm sử dụng dụng cụ nhựa dùng một lần. Ngoài ra, cần hỗ trợ người dùng chọn hình thức giao hàng giảm phát thải carbon, hỗ trợ người dùng phản hồi về hoạt động bảo vệ môi trường của thương nhân.

Nhóm tiêu chí thứ năm là cam kết xanh hóa các hoạt động nội bộ. Theo đó, cần có chính sách bảo vệ môi trường; cần tiết kiệm năng lượng, sử dụng các nguồn năng lượng xanh, năng lượng tái tạo trong hoạt động nội bộ.

Nhóm tiêu chí thứ sáu là nghiên cứu và triển khai các hoạt động thúc đẩy xanh theo mô hình bền vững. Trong đó, cần nghiên cứu triển khai kinh tế tuần hoàn, triển khai bộ quy tắc hướng dẫn kinh doanh có trách nhiệm vì người tiêu dùng trong thương mại điện tử tại Việt Nam. Đồng thời, người hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử cũng cần tìm hiểu và triển khai bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI.

Bên cạnh đó, bộ tiêu chí cũng nhấn mạnh, để thực hiện thương mại điện tử xanh, doanh nghiệp, thương nhân có thể triển khai bộ tiêu chí theo 04 giai đoạn. Giai đoạn đầu thực hiện tiêu chí 1 và 2; giai đoạn 2 triển khai nhóm tiêu chí 3; giai đoạn 3 triển khai nhóm tiêu chí 4 và 5. Cuối cùng là triển khai giai đoạn 4 thực hiện nhóm tiêu chí 6, điều này cần đòi hỏi nhận thức và nguồn lực triển khai cao.

Việc triển khai theo giai đoạn chỉ mang tính tương đối. Mỗi doanh nghiệp căn cứ vào thực tiễn kinh doanh, nguồn lực của doanh nghiệp, những hoạt động gây tác động xấu nhất đến môi trường hay mức độ phát thải chất thải nhựa,... có thể ưu tiên triển khai trước một số tiêu chí nhất định.

Nguồn: Bộ tiêu chí Thương mại điện tử xanh - ECGI, WWF-Việt Nam, 2024



Ảnh: Internet

QUY ĐỊNH MỚI VỀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về thủ tục đầu tư đặc biệt quy định tại Điều 36a của Luật Đầu tư, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

LĨNH VỰC ÁP DỤNG THỦ TỤC ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

Theo Điều 2 Nghị định số 19/2025/NĐ-CP, lĩnh vực áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt gồm:

- Lĩnh vực áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36a của Luật Đầu tư, gồm:

- + Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư trong lĩnh vực công

nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn.

- + Đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt theo Nghị định này phải thuộc lĩnh vực quy định tại khoản này.

- Dự án đầu tư tại khu công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chí đối với dự án thực hiện hoạt động công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao và quy định của Chính phủ về khu công nghệ cao.

Kể từ thời điểm Luật số 57/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025,

nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án đầu tư đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 36a có thể đăng ký đầu tư theo quy định mới.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Luật số 57/2024/QH14, thủ tục đầu tư đặc biệt cũng được áp dụng đối với các dự án đang hoạt động thuộc lĩnh vực được áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 8 Điều 2 của Luật này.

Như vậy, kể từ ngày 15/01/2025, các dự án công nghệ cao đang hoạt động, nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của Điều 36a cũng có thể lựa chọn áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt để rút ngắn thời gian triển khai thực hiện dự án.

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Trong đó, Nghị định quy định cam kết của nhà đầu tư tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư gồm:

a) Các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

b) Đánh giá sơ bộ sự phù hợp của dự án với điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

c) Cam kết về việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; không thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện đúng nội dung cam kết.

Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

theo quy định cho Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (Ban Quản lý). Ban Quản lý xem xét, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 36a của Luật Đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo cam kết của nhà đầu tư được gửi đồng thời cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy tại địa phương.

Việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36a của Luật Đầu tư được thực hiện như sau:

- Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch phân khu khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung và khu thương mại tự do. Trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung thành phố; thị xã; thị trấn; đô thị mới; huyện hoặc xã được phê duyệt trừ trường hợp: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế có quy hoạch phân khu có hiệu lực theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch phân khu.

- Trường hợp dự án được đề xuất thực hiện tại khu chức năng trong khu kinh tế thì đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung khu kinh tế hoặc quy hoạch chung thành phố, thị xã được phê duyệt trừ trường hợp trên.

Nghị định quy định đối với dự án có đề

ngiht Nhà nước cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì đánh giá khả năng đáp ứng điều kiện cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; sự phù hợp của nhu cầu sử dụng đất với mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án.

Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật Đầu tư, trong đó bao gồm nội dung cam kết của nhà đầu tư.

Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập theo quy định tại khoản 5 Điều 36a Luật Đầu tư phải đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 36a Luật Đầu tư và chỉ được điều chỉnh nội dung đăng ký doanh nghiệp để bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh khác sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

THỦ TỤC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Ngiht định nêu rõ, nhà đầu tư thực hiện ký quỹ hoặc nộp cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng về nghĩa vụ ký quỹ sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và trước khi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt (nếu chưa tạm ứng chi phí) hoặc trước thời điểm ban hành quyết định cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (nếu đã tạm ứng chi phí) hoặc trong 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu đất dự án đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

Về hoàn trả nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án, Ngiht định quy định hoàn trả 50% số tiền ký quỹ hoặc giảm 50% giá trị bảo lãnh tại thời điểm nhà đầu tư gửi văn

bản thông báo khởi công kèm theo tài liệu theo khoản 8 Điều 36a Luật Đầu tư.

Số tiền ký quỹ còn lại và lãi phát sinh (nếu có) được hoàn trả hoặc bảo lãnh chấm dứt hiệu lực khi nhà đầu tư gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào khai thác.

THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ngiht định quy định nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các cam kết về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đồng thời chịu trách nhiệm nếu không thực hiện đúng cam kết.

Trường hợp dự án không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã cam kết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét xử phạt hành chính, ngừng, chấm dứt hoạt động hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định pháp luật.

Dự án đầu tư thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, khi đăng ký đầu tư theo Điều 36a Luật Đầu tư, nhà đầu tư không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp dự án phải có Giấy phép môi trường, nhà đầu tư thực hiện như sau:

- Làm thủ tục cấp Giấy phép môi trường trước khi khởi công tại cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tương ứng;

- Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép môi trường thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường, áp dụng tương ứng với dự án không thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường.

Đối với dự án phải đăng ký môi trường, nhà đầu tư thực hiện theo điểm b khoản 6 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.